

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B02 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.25	30,061,403,828	30,107,278,687	30,061,403,828	30,107,278,687
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30,061,403,828	30,107,278,687	30,061,403,828	30,107,278,687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	16,277,673,251	16,960,321,256	16,277,673,251	16,960,321,256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,783,730,577	13,146,957,431	13,783,730,577	13,146,957,431
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	266,862,382	144,353,978	266,862,382	144,353,978
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2,691,643,747	2,331,447,222	2,691,643,747	2,331,447,222
Trong đó: chi phí lãi vay	23		496,611,111	2,331,447,222	496,611,111	2,331,447,222
8. Chi phí bán hàng	24		4,000,000	36,363,636	4,000,000	36,363,636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,830,631,500	4,520,738,683	4,830,631,500	4,520,738,683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,524,317,712	6,402,761,868	6,524,317,712	6,402,761,868
11. Thu nhập khác	31		-	75,160,000	-	75,160,000
12. Chi phí khác	32		4,362,830	-	4,362,830	-
13. Lợi nhuận khác	40		(4,362,830)	75,160,000	(4,362,830)	75,160,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,519,954,882	6,477,921,868	6,519,954,882	6,477,921,868
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V1.30	2,188,460,110	2,110,105,467	2,188,460,110	2,110,105,467
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,331,494,772	4,367,816,401	4,331,494,772	4,367,816,401
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		860	1,039	860	1,039

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2012

Tổng giám đốc

Trần Lê Thanh Bình

Vũ Thành Danh

Phạm Minh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DNBan hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114,130,161,906	126,914,287,641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,991,360,727	14,245,070,656
1. Tiền	111	V.01	1,175,116,282	3,228,826,211
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,816,244,445	11,016,244,445
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96,077,507,987	103,243,221,458
1. Phải thu khách hàng	131		100,648,847,085	107,540,796,821
2. Trả trước cho người bán	132		3,417,479,377	2,614,974,322
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	89,600,000	1,165,868,790
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8,078,418,475)	(8,078,418,475)
IV. Hàng tồn kho	140		7,825,923,183	7,707,854,530
1. Hàng tồn kho	141	V.04	7,825,923,183	7,707,854,530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,235,370,009	1,718,140,997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	63,844,606
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,235,370,009	1,654,296,391

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**Mẫu số B01 - DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108,717,303,914	109,048,726,559
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,387,325,818	2,387,325,818
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		2,387,325,818	2,387,325,818
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,357,374,532	27,395,639,916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10,748,945,794	10,651,494,687
<i>Nguyên giá</i>	222		33,239,824,052	32,740,714,961
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22,490,878,258)	(22,089,220,274)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16,608,428,738	16,744,145,229
<i>Nguyên giá</i>	228		18,751,253,961	18,751,253,961
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,142,825,223)	(2,007,108,732)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		78,166,430,000	78,166,430,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		74,616,430,000	74,616,430,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3,550,000,000	3,550,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		806,173,564	1,099,330,825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	716,173,564	1,009,330,825
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		90,000,000	90,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222,847,465,820	235,963,014,200

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**Mẫu số B01 - DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		128,638,449,552	146,073,392,704
I. Nợ ngắn hạn	310		67,076,886,346	84,447,178,498
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	4,500,000,000	-
2. Phải trả người bán	312	V.13	11,762,378,720	12,888,798,132
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	18,278,607,929	18,966,129,572
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3,210,091,199	9,733,997,618
5. Phải trả người lao động	315	V.16	17,560,195,716	27,852,596,947
6. Chi phí phải trả	316	V.17	505,931,584	6,642,099,457
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6,378,990,464	3,162,873,038
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,880,690,734	5,200,683,734
II. Nợ dài hạn	330		61,561,563,206	61,626,214,206
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	61,000,000,000	61,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		561,563,206	626,214,206
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94,209,016,268	89,889,621,496
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	94,209,016,268	89,889,621,496
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,987,770,000	50,987,770,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(730,110,060)	(718,010,060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		14,510,597,249	14,510,597,249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,631,865,934	4,631,865,934
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		926,373,186	926,373,186
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23,882,519,959	19,551,025,187
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222,847,465,820	235,963,014,200

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		31/03/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		416.10	16,363.55
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Lê Thanh Bình

Vũ Thành Danh

Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2012	Quý 1/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,519,954,882	6,477,921,868
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		537,374,475	591,355,223
- Các khoản dự phòng	03		-	(290,920,500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		2,689,611,111	2,331,447,222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,746,940,468	9,109,803,813
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5,858,532,432	14,503,185,452
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(118,068,653)	(366,542,968)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20,409,692,745)	(12,865,837,812)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		357,001,867	88,911,894
- Tiền lãi vay đã trả	13		(53,833,333)	(5,947,222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,062,658,227)	(2,322,837,894)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6,237,352,202)	(4,285,917,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14,919,130,393)	3,854,818,263
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,11	(89,341,918)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		266,862,382	144,353,978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		177,520,464	144,353,978

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ tư vấn
- Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm tính khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 –25
- Máy móc thiết bị	03 –07
- Phương tiện vận chuyển	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Giá trị lợi thế doanh nghiệp: được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá tại thời điểm ngày 31/12/2005. Giá trị lợi thế doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích một lần vào cuối năm tài chính.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn của cổ đông đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn khác của chủ sở hữu: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh. Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	623.345.384	390.915.000
Tiền gửi ngân hàng	551.770.898	2.837.911.211
Các khoản tương đương tiền	<u>2.816.244.445</u>	<u>11.016.244.445</u>
Cộng	<u>3.991.360.727</u>	<u>14.245.070.656</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	37.007.815.726	41.907.097.984
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	<u>63.641.031.359</u>	<u>65.633.698.837</u>
Cộng	<u>100.648.847.085</u>	<u>107.540.796.821</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Bạch Đằng	347.500.000	-
Công ty cổ phần Vật liệu CAVICO Hạ tầng	344.673.082	344.673.082
Các khách hàng khác	1.928.205.195	1.473.200.140
Cộng	<u>3.417.479.377</u>	<u>2.614.974.322</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	1.001.300.790
Các khoản phải thu khác	89.600.000	164.568.000
Cộng	<u>89.600.000</u>	<u>1.165.868.790</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết các khoản dự phòng như sau:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	564.371.556
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	8.078.418.475	7.514.046.919
Cộng	<u>8.078.418.475</u>	<u>8.078.418.475</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	725.364.649	571.391.475
Công cụ, dụng cụ tồn kho	29.282.853	51.420.727
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.071.275.681	7.085.042.328
Cộng	<u>7.825.923.183</u>	<u>7.707.854.530</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho người lao động	6.201.393.559	1.654.296.391
Ký quỹ ngắn hạn	33.976.450	-
Cộng	<u>6.235.370.009</u>	<u>1.654.296.391</u>

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Thủy Điện 1	184.144.863	184.144.863
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Ban quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Các khách hàng khác	164.311.300	164.311.300
Cộng	<u>2.387.325.818</u>	<u>2.387.325.818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.220.663.467	9.187.172.451	10.716.361.219	2.616.517.824	32.740.714.961
Đầu tư mới			486.200.000	12.909.091	499.109.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối quý	10.220.663.467	9.187.172.451	11.202.561.219	2.629.426.915	33.239.824.052
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.304.409.816	8.229.419.762	9.725.263.789	1.830.126.907	22.089.220.274
Trích khấu hao	135.712.721	78.583.659	95.808.742	91.551.862	401.657.984
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối quý	2.440.123.537	8.308.003.421	9.821.072.531	1.921.678.769	22.490.878.258
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.916.253.651	957.752.689	991.097.430	786.390.917	10.651.494.687
Số cuối quý	7.780.539.930	879.169.030	1.381.488.688	707.748.146	10.748.945.794

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.193.790.961	18.751.253.961
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối quý	7.093.957.000	9.463.506.000	2.193.790.961	18.751.253.961
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	678.901.305	1.328.207.427	2.007.108.732
Khấu hao trong kỳ	-	49.876.200	85.840.291	135.716.491
Số cuối quý	-	728.777.505	1.414.047.718	2.142.825.223
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.784.604.695	865.583.534	16.744.145.229
Số cuối quý	7.093.957.000	8.734.728.495	779.743.243	16.608.428.738

11. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	7.461.643	74.616.430.000	7.461.643	74.616.430.000
Cộng		74.616.430.000		74.616.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất Động Sản EVN Land Nha Trang	1.500.000.000	1.500.000.000
Góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế	1.050.000.000	1.050.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>3.550.000.000</u>	<u>3.550.000.000</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

Phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Quý 1 / 2012</u>
Số đầu kỳ	1.009.330.825
Phát sinh tăng	13.240.910
Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh	<u>(306.398.171)</u>
Số cuối kỳ	<u>716.173.564</u>

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Quý 1 / 2012</u>
Số đầu kỳ	0
Số tiền vay trong kỳ	10.500.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(6.000.000.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>4.500.000.000</u>

15. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP Tư vấn xây dựng điện 2	3.728.742.355	3.000.000.000
Viện Năng lượng	2.025.643.198	2.025.643.198
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	983.545.000	983.545.000
Xí nghiệp đo đạc bản đồ Nông nghiệp 1	733.998.010	733.998.010
Cty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 ĐN	633.553.901	633.553.901
Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi VN	406.352.630	406.352.630
Cty TNHH 1 thành viên khảo sát xây dựng 2	402.995.874	402.995.874
Các nhà cung cấp khác	2.847.547.752	4.702.709.519
Cộng	<u>11.762.378.720</u>	<u>12.888.798.132</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	14.704.201.992	14.378.659.285
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	3.574.405.937	4.587.470.287
Cộng	<u>18.278.607.929</u>	<u>18.966.129.572</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.572.997.941	1.010.013.331	(4.714.523.183)	868.488.089
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.062.658.227	2.188.460.110	(4.062.658.227)	2.188.460.110
Thuế thu nhập cá nhân	1.098.341.450	634.395.811	(1.579.594.261)	153.143.000
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	283.240.172	(283.240.172)	-
Cộng	9.733.997.618	4.116.109.424	(10.640.015.843)	3.210.091.199

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VI.6

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.474.290.606	2.273.982.494
Bảo hiểm xã hội, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp	803.903.788	335.271.190
Phải trả EVN về tiền lãi vay dài hạn	511.222.222	68.444.444
Tiền góp vốn vào Cty CP TĐ Buôn Đôn từ các cổ đông khác	103.900.000	154.470.000
Các khoản khác	2.485.673.848	330.704.910
Cộng	6.378.990.464	3.162.873.038

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	51.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	61.000.000.000	61.000.000.000

20. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Quý 1 / 2012</u>
Số đầu kỳ	626.214.206
Trích quỹ dự phòng trong kỳ	-
Chi trợ cấp thôi việc cho công nhân viên	(64.651.000)
Số cuối kỳ	561.563.206

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số đầu năm trước	42.580.000.000	8.348.357.892	2.825.014.566	565.002.912	18.068.513.683	(613.160.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.367.816.401	(22.180.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này năm trước	42.580.000.000	8.348.357.892	2.825.014.566	565.002.912	22.436.330.084	(635.340.060)
Số dư đầu năm nay	50.987.770.000	14.510.597.249	4.631.865.934	926.373.186	19.551.025.187	(718.010.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.331.494.772	(12.100.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này năm nay	50.987.770.000	14.510.597.249	4.631.865.934	926.373.186	23.882.519.959	(730.110.060)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

<u>Cổ đông</u>	<u>Số tiền góp vốn tại ngày 31/03/2012</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.066.880.000	51,12
Các cổ đông khác	24.920.890.000	48,88
Cộng	50.987.770.000	100,00

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 50.987.770.000 VND, được chia thành 5.098.777 cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	<u>Quý 1 / 2012</u>
Số đầu kỳ	5.200.683.734
Trích quỹ từ lợi nhuận	-
Thu từ các khoản khác	-
Chi theo quy định	(319.993.000)
Số cuối kỳ	4.880.690.734

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Doanh thu hoạt động khảo sát	10.964.532.698	24.801.109.204
Doanh thu hoạt động thiết kế	19.096.871.130	5.306.169.483
Cộng	<u>30.061.403.828</u>	<u>30.107.278.687</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Giá vốn hoạt động khảo sát	5.427.319.124	12.613.266.683
Giá vốn hoạt động thiết kế	10.850.354.127	4.347.054.573
Cộng	<u>16.277.673.251</u>	<u>16.960.321.256</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	266.862.382	144.353.978
Cộng	<u>266.862.382</u>	<u>144.353.978</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Chi phí lãi vay	496.611.111	2.331.447.222
Chi phí lãi trái phiếu	2.193.000.000	-
Chi phí chênh lệch tỷ giá	2.032.636	-
Cộng	<u>2.691.643.747</u>	<u>2.331.447.222</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Chi phí cho nhân viên	2.670.494.061	2.528.243.939
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	98.191.794	120.396.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.442.255	35.699.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.218.372	145.727.346
Chi phí khác	1.882.285.018	1.690.671.138
Cộng	<u>4.830.631.500</u>	<u>4.520.738.683</u>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.519.954.882	6.477.921.868
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.233.885.559	1.962.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế	8.753.840.441	8.440.421.868
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>2.188.460.110</u>	<u>2.110.105.467</u>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.188.460.110	2.110.105.467

Khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN chính là số lãi trái phiếu phải trả quý 1/2012.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 1 / 2012</u>	<u>Quý 1 / 2011</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.331.494.772	4.367.816.401
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.331.494.772	4.67.816.401
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.037.174	4.205.688
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	860	1.039

*Nha Trang, ngày 23 tháng 04 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Trần Lê Thanh Bình****Vũ Thành Danh****Phạm Minh Sơn**